TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2017/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2017
Vv ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Màu;

2. Ông Nguyễn Thanh Trọng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Tấn Cường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Định - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 891/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1002/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tống Thị Ngọc T, sinh năm 1993; cư trú tại: Thôn V2, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định;

- *Bị đơn:* Anh Phan Xuân Q, sinh năm 1993; cư trú tại: 35 T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* NLQ, sinh năm 1966; cư trú tại: 35 T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2016, các bản khai và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Tống Thị Ngọc T trình bày: Giữa chị và anh Phan Xuân Q tìm hiểu trong thời gian 05 năm rồi tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 25tháng 3 năm 2014. Vợ

chồng chị chung sống hạnh phúc được 09 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nhân do anh Q đam mê cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con. Nhiều lần anh Q đánh chị trước mặt ba mẹ anh nhưng ba mẹ anh không can ngăn cũng không có ý kiến gì. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung tên Phan Hoàn P, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2014. Cháu P hiện đang sống với chị. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung: Chị và anh Q có tài sản chung là 08 chỉ vàng y 97% và 01 cây vàng 9999 hiện nay mẹ chồng chị là NLQ đang cất giữ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu NLQ phải trả lại cho chị 01 cây vàng 9999 nhưng ngày 05 tháng 6 năm 2017 và tại phiên tòa hôm nay chị T xin rút yêu cầu này. Hiện nay vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T được ly hôn anh Q, giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật đồng thời đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị T vì chị T rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tống Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là anh Phan Xuân Q cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Xuân Q và NLQ đã được tống đạt lợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Q và NLQ vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Q và NLQ.

[3] Về hôn nhân: Chị Tống Thị Ngọc T và anh Phan Xuân Q tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 3 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D nên hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình gải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q biết nhưng anh không đến Tòa để giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của chị T và kết quả xác minh để giải quyết vụ án. Trong thời gian chung sống, giữa chị T và anh Q phát sinh mâu thuẫn kéo dài xuất phát từ việc anh Q đam mê cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con, về nhà còn đánh chị T nhiều lần trước mặt ba mẹ anh nhưng ba mẹ anh không can ngăn cũng không có ý kiến gì do đó mâu thuẫn ngày một trầm trọng. Việc làm đó của anh Q đã vi phạm nghĩ vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị T được ly hôn anh Q.

[4] Về con chung: Giữa chị T và anh Q có 01 con chung tên Phan Hoàn P, sinh ngày 28 tháng 8 tháng 2014 hiện đang đang sống với chị T. Xét thấy trong thời gian sống ly thân, chị T vẫn đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng để cháu P được phát triển bình thường và hiện nay cháu P chưa đủ 36 tháng tuổi nên việc giao cháu P cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng theo như yêu cầu của chị là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng chị trình bày anh Q không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Ngày 05 tháng 6 năm 2017 và tại phiên tòa hôm nay chị T rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Tống Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và anh Phan Xuân Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡn nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, khoản 2 khoản 3 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Cho chị Tống Thị Ngọc T ly hôn anh Phan Xuân Q.

2. Giao cháu Phan Hoàn P, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2014 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc anh Phan Xuân Q cấp dưỡng nuôi cháu P hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của chị Tống Thị Ngọc T.

4. Chị Tống Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 1.025.000 đồng (một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo 02 biên lai thu tiền số 0002088 ngày 09 tháng 01 năm 2017, số 0002104 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định; chị T được hoàn lại 725.000 đồng (bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Phan Xuân Q phải chịu 300.00 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND TT. D, H.T;
- Lưu hồ sơ vụ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Hiệp